

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2023

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, bà Đoàn Thị Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2022/TLST-HN/GĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị T** - sinh năm 1984

ĐKHKTT: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh D.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh D.

- *Bị đơn:* Anh **Đào Văn G** - sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh D.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2002 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh G do chơi bời không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 10/2020, chị đã làm đơn ly hôn nộp tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện nhưng vì nghĩ đến các con chị đã rút đơn nhưng được thời gian vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, mâu thuẫn càng tăng nhất từ tháng 6/2022, chị đã bỏ về nhà để ở và vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh G không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, duy trì được thêm nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G. Anh G không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn.

Về con chung: Chị và anh G có 03 con chung là cháu Đào Văn Ph, sinh ngày 19/01/2003, Đào Thị Thanh Th, sinh ngày 22/02/2008 và cháu Đào Gia H, sinh ngày 24/9/2017. Ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung là cháu Th và cháu H, chị tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Chị là lao động tự do, đi bán và đồ hàng ở các tỉnh, sáng đi chiều về, thu nhập ổn định, bình quân từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng. Bố chị là ông Mai Văn L vẫn khỏe, ông L sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho chị T về mọi mặt để chăm sóc con và giúp đưa đón các cháu đến trường. Mẹ con chị đang ở nhà của bố mẹ chị, nhà ở rộng rãi, ông L hứa sau này sẽ tách riêng một mảnh đất cho mẹ con chị. Cháu Ph đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Tòa án, tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Đào Văn G trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn từ thời điểm nào anh không nhớ, anh không biết vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề gì, anh xác định vợ chồng có cãi nhau, đánh nhau sau đó lại hòa hợp. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 6/2022 chị T đã bỏ về nhà ở ở Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh D. Từ khi chị T về nhà ở, anh không đến tìm chị T lần nào, hai bên gia đình không gặp nhau để bàn bạc, khuyên giải gì. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2022 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh xác định không bỏ vợ, bỏ con, mong muốn chị T rút đơn về vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh không có biện pháp nào để hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình. Việc chị T cương quyết xin ly hôn thì anh đành phải chịu.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là cháu Đào Văn Ph, sinh ngày 19/01/2003, Đào Thị Thanh Th, sinh ngày 22/02/2008 và cháu Đào Gia H, sinh ngày 24/9/2017. Anh đề nghị được nuôi cả 03 con và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên hòa giải anh có ý kiến ; Nếu chị T nuôi cả 03 con thì anh nhất trí ly hôn, nhưng sau khi chị T đồng ý thì anh lại không đồng ý nữa. Anh hiện đang là lao động tự do có ai thuê thì làm, thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Mai Văn L trình bày: Ông là bố đẻ của chị Mai Thị T, là ông ngoại của cháu Đào Văn Ph, Đào Thị Thanh Th và cháu Đào Gia H, quá trình chung sống, chị T và anh G đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T được ly hôn anh G. Anh chị có 03 con chung. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T và của các cháu. Trường hợp Tòa giao cho chị T nuôi 02 con, ông sẽ hỗ trợ thêm và tạo điều kiện cho mẹ con chị T chỗ ăn ở và giúp chị T với điều kiện tốt nhất để chị T nuôi con. Cháu Ph đã trưởng thành, đang đi nghĩa vụ quân sự. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với ông.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đào Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đào Văn G và là bà nội của cháu Đào Văn Ph, Đào Thị Thanh Th và cháu Đào Gia H. Trong quá trình chung sống, chị T, anh G có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhưng không lớn, không đến mức phải ly hôn, chị T không có mâu thuẫn gì với bà. Tháng 7/2022 chị T đã bỏ về nhà ở ở và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị T xin ly

hôn anh G, bà mong muốn Tòa án tiếp tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ, không giải quyết cho chị T ly hôn anh G. Anh chị có 03 con chung là cháu Đào Văn Ph, Đào Thị Thanh Th và cháu Đào Gia H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản, nợ chung, công sức anh chị không có công sức đóng góp gì với bà.

Kết quả làm việc tại chính quyền địa phương và các đoàn thể có liên quan của xã Đoàn Tùng cung cấp: Anh G, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Anh G, chị T có xảy ra mâu thuẫn sau đó chị T về nhà đẻ ở, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Do anh chị không báo cáo nên chính quyền và các đoàn thể không biết để hoà giải cho anh chị. Nay, chị T xin ly hôn anh G, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nếu anh G, chị T không thể tiếp tục chung sống với nhau thì Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Đào Văn G.

Về con chung: Xử giao cháu Đào Thị Thanh Th, sinh ngày 22/02/2008 và cháu Đào Gia H, sinh ngày 24/9/2017 cho chị T, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Đào Văn Ph đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Mai Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn G; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh D; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị Mai Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ, anh G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Đào Văn G vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị T và anh Đào Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G chơi bời, không chịu làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách, cách sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 10/2020 chị đã làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng vì nghĩ cho con nên chị rút đơn về nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Tháng 6/2022 chị bỏ về nhà để ở và vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Chị T cương quyết xin ly hôn, anh G mong muốn đoàn tụ nhưng anh G không có biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải. Tại phiên hòa giải anh G có ý kiến nếu chị T đồng ý nuôi cả 03 con thì anh đồng ý ly hôn chứng tỏ anh không có thiện trí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh G không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị T thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, cần áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Đào Văn G là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh G có 03 con chung là cháu Đào Văn Ph, sinh ngày 19/01/2003, Đào Thị Thanh Th, sinh ngày 22/02/2008 và cháu Đào Gia H, sinh ngày 24/9/2017.

Đối với chị T: Về điều kiện sinh hoạt, nơi sống: Chị T đang ở nhà cũ của bố mẹ, bố chị là ông L hứa sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho chị T chăm sóc các con, sau này ông sẽ tách cho chị một mảnh đất riêng cho mẹ con chị ở. Về công việc; chị T là lao động tự do, đi bán và đồ hàng ở các tỉnh sáng đi chiều về, thu nhập từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000đ/tháng, chị cam kết đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Chị tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét về nguyện vọng của các cháu, cháu H còn nhỏ chưa được 06 tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, cháu Th là con gái, hiện đang ở với chị T, đang tuổi mới lớn nên cần có sự chăm lo bảo ban của mẹ, cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Ph đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh G: Về điều kiện sinh hoạt, nơi sống, chỗ ăn ở cũng đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống cho con. Về công việc và thu nhập của anh G không bằng chị T, anh là lao động tự do có ai thuê thì làm, thu nhập 7.000.000đ/tháng, anh G từng có ý kiến nếu chị T nuôi cả ba con thì anh nhất trí ly hôn nhưng khi chị T đồng ý thì anh lại không đồng ý ly hôn nữa, chứng tỏ anh G không có thiện chí để nuôi con mà chỉ gây khó khăn cho chị T trong việc ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu Th, cháu H được tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu của chị T và nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử: Giao cháu Đào Thị Thanh Th và cháu Đào Gia H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Cháu Đào Văn Ph đã trưởng thành, chị T, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị T, anh G không yêu cầu nên nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Mai Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Đào Văn G.

2- *Về con chung*: Xử giao cháu Đào Thị Thanh Th, sinh ngày 22/02/2008 và cháu Đào Gia H, sinh ngày 24/9/2017 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu Đào Văn Ph đã trưởng thành, chị T, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000845 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí.

5- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến